

Số: /KH-GDDĐT

Quy Nhơn, ngày tháng năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Chuyển đổi số của ngành Giáo dục thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số của ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của ngành Giáo dục thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

Triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất, có hiệu quả Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số của ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

##### **2. Yêu cầu**

Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của ngành Giáo dục trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày

07/7/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số của ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

### **2. Mục tiêu đến năm 2025**

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 80% học sinh và giáo viên có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến

- + Triển khai thống nhất một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng;

- + Hình thành kho học liệu trực tuyến của thành phố, kết nối đến kho học liệu của tỉnh (có thể kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở cấp tiểu học, 10% ở cấp trung học;

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục.

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- + 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

- + 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Triển khai sử dụng Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thiết lập và cập nhật, khai thác hiệu quả, trong đó:

- + Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia;

- + Các cơ quan quản lý giáo dục từ tỉnh tới các địa phương được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 80% hồ sơ công việc tại cấp Phòng; 40% hồ sơ công việc tại các cơ sở giáo dục được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

- + 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực

tuyển mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 90%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

### **3. Mục tiêu đến năm 2030**

Đưa toàn bộ hệ thống giáo dục thành phố vào môi trường số, trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến của thành phố trên cơ sở kết nối nền tảng dạy và học trực tuyến của tỉnh tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% học sinh và giáo viên tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục của thành phố được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các CSDL, thông tin quốc gia.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho học sinh và giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh.

b) Từng bước hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm, thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành đáp ứng theo yêu cầu.

### **2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học**

#### **a) Đổi mới mô hình dạy, học**

Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

#### **b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung**

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành, có tích hợp kết nối đến các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành Giáo dục tỉnh, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô

phòng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục;

- Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng mạng xã hội.

### **3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và CSDL ngành giáo dục**

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số;

- Triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4;

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành Giáo dục dựa trên nền tảng CSDL ngành Giáo dục.

b) Cập nhật, hoàn thiện CSDL và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Cập nhật, hoàn thiện CSDL của ngành Giáo dục thành phố để hoàn thiện CSDL lớn của ngành Giáo dục tỉnh (bao gồm CSDL về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo);

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục thành phố kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng GDĐT, Sở GDĐT đến Bộ GDĐT; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, CSDL của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục;

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới các cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống CSDL của ngành Giáo dục thành phố và tỉnh;

- Trên nền tảng CSDL, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

- Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động trang thông

tin điện tử hiện có của các trường học, cơ sở giáo dục nhằm cung cấp những thông tin về cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ giáo viên.

d) **Xây dựng môi trường số kết nối**

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành Giáo dục thành phố kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu của ngành Giáo dục tỉnh, quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục theo chỉ đạo của Bộ GDĐT;

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

**4. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI)**

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục thành phố; thực hiện thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng CNTT tiếp cận chuẩn quốc tế, tại một số cơ sở giáo dục có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số theo chỉ đạo của UBND tỉnh; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo tất cả các nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu;

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số;

**5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách**

a) Triển khai thực hiện nhiệm vụ các văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về CSDL trong ngành Giáo dục thành phố. Thực hiện quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, các đơn vị, cơ quan trong ngành Giáo dục thành phố với các CSDL của tỉnh và các CSDL quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục;

c) Khuyến khích các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia

và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia cho chuyển đổi số trong Giáo dục;

d) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục thành phố; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, lồng ghép với kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng hàng năm của thành phố. Khuyến khích huy động nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác.

- Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ CNTT, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

- Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, UBND các phường, xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hàng năm căn cứ quy mô, lộ trình triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch, xây dựng dự toán kinh phí gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo việc kết nối hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học với kho dữ liệu dùng chung của thành phố và của tỉnh.

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Phòng GDĐT xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch ở quy mô đơn vị theo phân cấp quản lý.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu UBND thành phố việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ chuyên trách CNTT đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Tích cực huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT một cách đồng bộ; bổ sung giáo viên, cán bộ chuyên trách CNTT cho các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện ở các cơ quan, đơn vị trong ngành Giáo dục; định kỳ hàng năm báo cáo UBND thành phố.

##### **2. Các đơn vị trực thuộc.**

**Đối với các trường Mẫu giáo, Tiểu học, THCS trên địa bàn xã Nhơn Lý:**

- Tiếp tục phối hợp cùng Viettel Bình Định triển khai thường xuyên có hiệu quả các phần mềm đã được Viettel hướng dẫn và áp dụng vào công tác quản lý, dạy và học trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo, bao gồm: Phần mềm quản lý nhà trường SMAS, SMAS+ (trên Mobile cho CB, GV), Phần mềm

Soạn bài giảng E-learning, Phần mềm Kiểm định chất lượng giáo dục, Hệ thống quản lý học và thi trực tuyến K12Online (Áp dụng cấp THCS), Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.

- Triển khai mới giải pháp học bạ điện tử (áp dụng đối với cấp Tiểu học trên Phần mềm quản lý nhà trường SMAS), Hệ thống hồ sơ điện tử nhằm chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ phục vụ công tác quản lý, cấp phát và lưu trữ thông tin Văn bằng tốt nghiệp cho trường THCS Nhơn Lý và Triển khai hệ thống chữ ký số cá nhân, chữ ký điện tử, tích hợp chữ ký số vào các ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục.

**Đối với các trường Mẫu giáo, Tiểu học, THCS còn lại trên địa bàn thành phố:**

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả và cập nhật thường xuyên dữ liệu hàng năm trên các hệ thống phần mềm đã triển khai; Phần mềm soạn bài giảng E-learning; Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, Phần mềm quản lý nhà trường SMAS.

- Triển khai hệ thống phần mềm phục vụ công tác chuyển đổi số ngành giáo dục thành phố, bao gồm:

+ Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.

+ Học bạ điện tử cho học sinh tiện cho việc quản lý, tra cứu của nhà trường và phụ huynh, học sinh.

+ Triển khai sổ sách, hồ sơ điện tử đảm bảo việc quản lý, khai thác dưới dạng điện tử trên môi trường điện tử, thay thế cho các hồ sơ ở dạng giấy.

+ Triển khai chữ ký điện tử nhà trường, chữ ký số cá nhân cho cán bộ, giáo viên để ký trên các hệ thống học bạ điện tử và sổ sách, hồ sơ điện tử trong ngành Giáo dục

+ Triển khai hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ phục vụ công tác quản lý, cấp phát và lưu trữ thông tin văn bằng tốt nghiệp cấp THCS; đồng thời hỗ trợ phụ huynh, học sinh tra cứu thông tin văn bằng chứng chỉ.

+ Triển khai hệ thống dạy và học trực tuyến kết hợp với kho dữ liệu dạy, học dùng chung của ngành; ứng dụng hệ thống trực tuyến để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trung học cơ sở trước khi đến lớp.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh cho Phòng Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng) để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT Bình Định (để báo cáo);
- UBND thành phố (để báo cáo);
- TP và các PTP (để báo cáo);
- Viettel Bình Định (phối hợp);
- Các BPCN (theo dõi);
- Các đơn vị trực thuộc (để thực hiện);
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Lý Chiêu Hòa**